

# TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM

BỘ XÂY DỰNG

**ĐẤT XÂY DỰNG**  
Phương pháp lấy,  
bao gói, vận chuyển  
và bảo quản mẫu

TCVN 2683-91

Có hiệu lực từ  
01-3-1991

(Ban hành theo Quyết định số 255 BXD/KHKT ngày 31/12/1990)

Tiêu chuẩn này thay thế TCVN 2683 - 78. Tiêu chuẩn này quy định những yêu cầu về phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản các mẫu đất đá để xác định thành phần, các tính chất vật lý và cơ học khi dùng làm nền và môi trường phân bố công trình xây dựng.

## 1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mẫu đất đá được lấy thành hai loại: mẫu nguyên trạng (giữ nguyên kết cấu) và mẫu không nguyên trạng (kết cấu bị phá hoại).

1.2. Mẫu đất đá được coi là nguyên trạng, nếu khi lấy xong vẫn giữ được nguyên kết cấu, thành phần, trạng thái và các tính chất như trong thiên nhiên (quy ước bỏ qua ảnh hưởng của sự thay đổi của trạng thái ứng suất khi tách mẫu ra khỏi môi trường). Mẫu không giữ nguyên được kết cấu, thành phần, trạng thái và tính chất là mẫu không nguyên trạng.

Trong khảo sát xây dựng thường chỉ lấy mẫu nguyên trạng và mẫu có kết cấu không nguyên vẹn nhưng giữ được thành phần hạt hoặc độ ẩm. Ngoài ra, còn lấy mẫu hồ sơ để mô tả và lưu hồ sơ.

1.3. Mẫu đất đá được lấy từ các công trình, thăm dò đã làm sạch (hố đào, hố móng, hào, vết lộ, lỗ khoan v.v...) hoặc đáy bốn nước.

1.4. Các công trình khoan đào phải được bảo vệ không cho nước mặt và nước mưa thấm vào.

1.5. Số lượng và kích thước mẫu đất đá phải đủ để tiến hành toàn bộ các thí nghiệm trong phòng theo quy định của phương pháp khảo sát.

## 2. LẤY MẪU

### 2.1. Lấy mẫu nguyên trạng

2.1.1. Mẫu nguyên trạng được lấy từ hố khai đào và từ lỗ khoan. Để lấy mẫu, dùng dao, xẻng, ống cố đế vát phía ngoài (ống vát), cung dây v.v... hoặc ống mẫu nguyên trạng.

2.1.2. Mẫu giữ được nguyên trạng mà không cần đóng hộp thì lấy thành dạng khối lập phương hoặc khối chữ nhật (thường có kích thước 25 x 25 x 25 cm).

2.1.3. Mẫu phải đóng hộp mới giữ được nguyên trạng thì lấy bằng ống vát, đảm bảo theo yêu cầu của điều 2.1.5. Chiều cao ống vát không được nhỏ hơn đường kính ống.

2.1.4. Cho phép lấy mẫu nguyên trạng của đất loại sét cứng và nửa cứng, cũng như đất hòn lớn, bằng cách chụp và ấn dần hộp chứa mẫu vào khối đất.

2.1.5. Khi khoan, ống mẫu nguyên trạng phải đảm bảo lấy được mẫu có độ ẩm tự nhiên với đường kính (cạnh) tương ứng với thiết bị thí nghiệm. Khi chọn kích thước ống mẫu, cần xét đến phạm vi phá huỷ xung quanh mẫu nguyên trạng. Bề rộng của phạm vi này được lấy bằng 3mm đối với đá bền vững, 5mm đối với đất loại sét có trạng thái từ dẻo chảy đến chảy, 10mm đối với đất loại cát và đất loại sét có trạng thái từ dẻo mềm đến cứng, 20 mm đối với đất hòn lớn.

Đường kính tối thiểu của mẫu nguyên trạng nên như sau: đối với đá - 50 mm, đất loại cát và loại sét - 90 mm, đất hòn lớn - 200 mm. Chiều cao mẫu không nhỏ hơn đường kính và nên lớn hơn 200 mm.

2.1.6. Khi lấy mẫu từ lỗ khoan bằng ống mẫu nguyên trạng, chiều dài của ống không vượt quá 2,0 m đối với đá, 1,5m đối với đất hòn lớn và 0,7m đối với đất loại sét và loại cát.

2.1.7. Mẫu nguyên trạng của đá bền vững, không bị phá huỷ do tác động cơ học của dụng cụ khoan và của dung dịch rửa thì được lấy bằng phương pháp khoan xoay, với ống mẫu đơn. Cho phép sử dụng nước lã hoặc dung dịch sét làm nước rửa.

Mẫu nguyên trạng của các loại đất khác phải lấy bằng ống mẫu kép, có ống trong không quay mà chỉ tịnh tiến, với điều kiện chỉ dùng dung dịch sét làm nước rửa và đảm bảo chế độ khoan như sau:

Tải trọng dọc trục:  $600 \pm 1000\text{KG}$ ; tốc độ quay nhỏ hơn 100 vòng/phút.

2.1.8. Mẫu đất có thành phần, trạng thái và tính chất đặc biệt (thường yếu về mặt chịu lực) phải được lấy trong quá trình khoan không dùng nước rửa, không đổ nước vào lỗ khoan và phải dùng biện pháp cách ly với những lớp đất chứa nước hoặc không ổn định.

2.1.9 Mẫu nguyên trạng của đất cát chặt và chặt vừa, đất loại sét có trạng thái cứng và nửa cứng phải lấy bằng ống mẫu chụp. Ống mẫu phải có một ống lót bên trong không quay để chứa mẫu. Tốc độ quay của ống ngoài khi lấy mẫu không được vượt quá 60 vòng /phút, tải trọng dọc trục tác dụng lên ống mẫu không vượt quá 100KG.

Khi khoan khô không đạt hiệu quả mong muốn, nếu đất không có tính lún sập (do bị thấm ướt), được phép khoan xoay, dùng chất lỏng rửa và lấy mẫu bằng ống đóng.

2.1.10. Mẫu đất loại sét có trạng thái dẻo cứng được lấy bằng phương pháp khoan ấn, với ống mẫu hình trụ có thành mỏng (bề dày không quá 3mm). Tốc độ ấn dụng cụ không vượt quá 2m/phút.

Đế cắt của ống mẫu phải được vát nhọn ở phía ngoài một góc  $10^\circ$ , có đường kính trong nhỏ hơn đường kính trong của ống chứa mẫu là 2mm.

2.1.11. Mẫu đất loại sét có trạng thái dẻo mềm, dẻo chảy và chảy, cũng như mẫu cát, phải lấy bằng phương pháp khoan ấn, với ống mẫu nguyên trạng có cơ cấu giữ mẫu hở hoặc kín. Để lấy, ấn ống mẫu vào đối với tốc độ không vượt quá 0,5m/phút. Đường kính trong (cạnh) của đế cắt ống mẫu phải nhỏ hơn đường kính trong (cạnh) của ống chứa mẫu 0,5 - 1,0 mm.

2.1.12. Đối với đất yếu cho phép sử dụng ống mẫu pit tông (kiểu cơ cấu giữ bằng chân không) để lấy mẫu.

## 2.2. Lấy mẫu không nguyên trạng.

2.2.1. Mẫu không nguyên trạng được lấy từ công trình khai đào, bằng dao, xẻng, cì khi khoan thì bằng mũi khoan hoặc ống mẫu.

- 2.2.2. Mẫu đá bền vững được lấy bằng phương pháp nổ hoặc bằng lõi mẫu khi khoan.
- 2.2.3. Mẫu đá nứt nẻ và đất các loại được lấy từ các công trình khai đào, bằng đào, xẻng, v.v.. hoặc từ lỗ khoan, bằng ống mẫu, mũi khoan.
- 2.2.4. Đối với những loại đất phân lớp mỏng, với bề dày của mỗi lớp hoặc thấu kính nhỏ hơn 5 cm, cho phép lấy mẫu từ công trình khai đào bằng phương pháp vạch luống.
- 2.2.5. Đối với đất bão hoà nước mà không cần giữ độ ẩm tự nhiên, khi lấy mẫu bằng phương pháp khoan xoay lấy lõi, cho phép sử dụng dung dịch sét có khối lượng riêng không nhỏ hơn 1,2 g/cm<sup>3</sup>.
- 2.2.6. Đối với đất đá cần giữ độ ẩm tự nhiên, phải tiến hành khoan khô, không được đổ nước vào lỗ khoan và phải giảm tốc độ quay của dụng cụ khoan (nhỏ hơn 100 vòng/phút).

### 2.3 Mẫu lưu

Mẫu lưu của đá được lấy liên tục dưới dạng lõi khoan. Mẫu hồ sơ của đất được lấy cách nhau 0,5 m theo độ sâu, với kích thước 5 x 5 x 5 cm. Đặc biệt chú ý lấy mẫu ở độ sâu chuyển lớp đất.

## 3. BAO GÓI MẪU

### 3.1. Mẫu không nguyên trạng

3.1.1. Mẫu đất không nguyên trạng và không cần giữ độ ẩm tự nhiên được đựng trong hộp hoặc túi, đảm bảo giữ được các hạt đất nhỏ (thường dùng các túi bằng chất dẻo, vải dày hoặc giấy không thấm nước).

3.1.2. Mẫu đất không nguyên trạng nhưng cần giữ độ ẩm tự nhiên phải cho vào hộp kim loại không gỉ, hoặc hộp nhựa có nắp đậy kín. Được phép đựng mẫu loại này vào túi chất dẻo với điều kiện cần mẫu ngay sau khi lấy.

3.1.3. Bên trong hộp (hoặc túi), cùng với mẫu phải đặt phiếu mẫu đất được gói kín bằng giấy không thấm nước và tấm parafin, hoặc bằng hai lần túi chất dẻo hàn kín mép. phiếu mẫu thứ hai được dán lên hộp mẫu, cho phép viết nội dung của phiếu mẫu lên hộp mẫu.

### 3.2. Mẫu nguyên trạng

3.2.1. Đối với mẫu nguyên trạng không đựng vào hộp, cần cách li ngay với không khí bên ngoài bằng cách quét parafin nóng chảy, theo trình tự sau: Bọc kín phiếu mẫu thứ nhất bằng giấy không thấm nước, tấm parafin, rồi đặt lên mặt trên của mẫu, tiếp đó, quét parafin lên toàn mẫu. Tấm parafin phiếu mẫu thứ hai và dán lên mặt bên của mẫu, lại quét phủ lên một lớp parafin nữa.

3.2.2. Mẫu đất lấy vào hộp cứng hoặc ống vát phải được bao gói ngay. Hai đầu hộp cứng được đậy bằng nắp kín, có đệm cao su. Nếu không có đệm cao su, chỗ tiếp xúc giữa nắp và hộp phải được lót bằng hai lớp vật liệu cách li hoặc phủ kín bằng parafin nóng chảy. Trước khi đậy nắp, đặt phiếu mẫu thứ nhất lên trên mẫu. Dán phiếu mẫu thứ hai lên mặt bên của hộp cứng và nhất thiết phải đánh dấu mặt trên của mẫu.

Parafin dùng để cách li mẫu nguyên trạng với không khí bên ngoài phải có nhiệt độ nóng chảy 57 - 60°C. Để tăng tính dẻo của Parafin, phải trộn thêm 35 - 50% nhựa đường (theo khối lượng).

**Chú thích:** Cho phép sử dụng hỗn hợp có đủ tính chất cách li và độ dẻo để thay thế, như hỗn hợp gồm 60% Parafin với nhựa đường, 25% sáp, 10% nhựa thông và 5% dầu khoáng, hoặc hỗn hợp gồm 37,5% sáp, 37,5% nhựa thông, 25% sắt oxit.

**3.3. Trên phiếu mẫu phải ghi rõ:**

Tên cơ quan khảo sát;

Tên công trình (khu vực) khảo sát;

Tên và số liệu công trình thăm dò;

Số hiệu mẫu;

Độ sâu lấy mẫu;

Tên, thành phần, màu sắc và trạng thái của đất xác định theo mắt thường ở hiện trường;

Chức danh, họ tên, chữ ký của người lấy mẫu;

Ngày, tháng, năm lấy mẫu.

Phải ghi rõ phiếu mẫu bằng bút chì đen thường để khỏi bị nhoè hoặc mất chữ.

**3.4. Mẫu hồ sơ phải được xếp liên tục vào hộp gỗ có ngăn ở theo khoảng độ sâu và nên có nắp đậy. Trên hộp gỗ phải ghi rõ tên công trình (khu vực) khảo sát, số hiệu lỗ khoan hoặc hố thăm dò, khoảng độ sâu lấy mẫu.**

**3.5. Khi vận chuyển đến phòng thí nghiệm, phải cho mẫu vào hòm, trọng lượng mỗi hòm không nên quá 40 kg.**

Khi xếp mẫu vào hòm, phải chèn những khoảng trống giữa các mẫu bằng mùn cưa ẩm, vỏ bào, hoặc vật liệu có tính chất tương tự, sao cho thật chặt khít. Đặt mẫu cách thành hòm khoảng 3 - 4 cm và giữ khoảng cách giữa các mẫu là 2 - 3 cm. Ngay dưới nắp hòm đặt một bảng liệt kê (được gói trong giấy không thấm nước). Đánh số hòm, kèm ghi chú và ký hiệu cần lưu ý: "Trên", "Không ném", "Không đảo lộn", "Tránh mưa nắng", và tên, địa chỉ người gửi, người nhận.

## **4. VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN**

**4.1. Khi vận chuyển, không được để mẫu nguyên trạng chịu các tác động động lực, hoặc sự thay đổi đột ngột của nhiệt độ.**

**4.2. Cấm bảo quản và thí nghiệm những mẫu thiếu hồ sơ như yêu cầu ở các điều 3.3 và 3.4.**

**4.3. Mẫu không nguyên trạng nhưng cần giữ độ ẩm tự nhiên, cũng như mẫu nguyên trạng đã được đóng gói, phải được xếp đặt bảo quản trong phòng đảm bảo được các yêu cầu sau đây:**

a) Không khí có độ ẩm tương đối không thấp hơn 80% và nhiệt độ không cao hơn 20°C,

b) Không có tác động động lực đột biến.

Khi bảo quản mẫu trong phòng, phải lưu ý, để:

- Mẫu được xếp thành một hàng trên giá đựng, phiếu mẫu hướng lên trên,

- Các mẫu nguyên trạng không xếp sát nhau, không sát thành giá,

- Toàn bộ mặt dưới của mẫu được đặt khít lên giá,

- Mẫu nguyên trạng không bị bất cứ vật gì đè lên.

4.4. Thời hạn bảo quản mẫu nguyên trạng (từ thời điểm lấy mẫu đến khi bắt đầu thí nghiệm) ở trong phòng đáp ứng những yêu cầu của điều 4.3 - không được vượt quá hai tháng - đối với đá bền vững, đất cát ít ẩm, cũng như đất loại sét có trạng thái cứng và nửa cứng; 1 tháng - đối với đá nửa cứng, đất hòn lớn, cát ẩm, đất loại sét có trạng thái dẻo cứng và dẻo mềm; 15 ngày - đối với than bùn, đất than bùn, bùn và đất loại sét có trạng thái chảy và dẻo chảy.

4.5. Thời hạn bảo quản mẫu nguyên trạng đã được bao gói (từ thời điểm lấy đến lúc bắt đầu thí nghiệm) khi không có phòng lưu trữ thoả mãn điều 4.3 - không được vượt quá 15 ngày; riêng đối với than bùn, đất than bùn và bùn - không được vượt quá 5 ngày.

4.6. Thời hạn bảo quản mẫu không nguyên trạng nhưng cần giữ độ ẩm tự nhiên, đã được bao gói, không quá 2 ngày. Nếu mẫu đã được cân ngay sau khi lấy, cho phép bảo quản đến 5 ngày.

4.7. Mẫu nguyên trạng bị hỏng lớp cách li, bao gói hoặc bảo quản không đúng quy định - cho phép thí nghiệm như mẫu không nguyên trạng (trừ chỉ tiêu độ ẩm).

4.8. Thời gian lưu mẫu lưu phụ thuộc vào cấp công trình xây dựng, mức độ phức tạp của điều kiện địa chất công trình và do chủ đầu tư quyết định.

Việc huỷ bỏ mẫu lưu phải do Hội đồng chuyên môn xem xét.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100